TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 03/02/2026
"Về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đào Quang Khuyến.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hoài, bà Đoàn Thị Chuyền.

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Hoàng Anh - Thư ký, Tòa án nhân dân khu vực 13 - Hải phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diên - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2026, tại Trụ sở Toà án, Toà án nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 279/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2026/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn*:* Chị **Nguyễn Thị Nhật L**, sinh ngày 04/3/2001;

Căn cước công dân số: 030301002919.

Nơi đăng ký thường trú và cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh: Thôn B, xã K, thành phố Hải Phòng (Địa chỉ cũ: Thôn B, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương); Nơi ở hiện nay: Đài Loan.

Người được chị L ủy quyền giao nhận văn bản tố tụng: Bà Vương Thị Lan A, sinh năm 1992; Căn cước công dân số: 030192006462.

Nơi cư trú: Thôn U, xã T, thành phố Hải Phòng.

- Bị đơn*:* Anh **Đặng Văn H**, sinh ngày 22/10/1994;

Căn cước công dân số: 030094003490.

Nơi đăng ký thường trú và cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh: Thôn B, xã K, thành phố Hải Phòng (Địa chỉ cũ: Thôn B, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương); Nơi ở hiện nay: Nhật Bản.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Đặng Văn T, sinh năm 1966; Địa chỉ: Thôn B, xã K, thành phố Hải Phòng.

(Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nhật L trình bày: Chị và anh Đặng Văn H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 22/3/2019 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương, nay là xã K, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng càng về sau thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm về lối sống, cách nhìn nhận cuộc sống khác nhau, suy nghĩ hai bên không phù hợp, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Mặc dù chị và hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng chị nhận thấy cuộc hôn nhân giữa chị và anh H không thể cứu vãn được. Mâu thuẫn đỉnh điểm nhất từ tháng 5/2021 chị đã bỏ về nhà đẻ ở. Tháng 3/2022 chị sang Đài Loan lao động, năm 2023 anh H sang Nhật Bản lao động. Trong thời gian vợ chồng ở nước ngoài hai bên không liên lạc với nhau. Vợ chồng chính thức sống ly thân từ tháng 5/2021 không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị xác định cuộc sống chung không có hạnh phúc, hiện chị không còn tình cảm với anh H, mâu thuẫn đã trầm trọng, chị đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là cháu Đặng Phúc A1, sinh ngày 29/8/2020; cháu hiện đang ở cùng với ông Đặng Văn T, bà Nguyễn Thị Y là ông bà nội, chị và anh H thỏa thuận. Ly hôn chị đề nghị Toà án giao cháu Đặng Phúc A1 cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh H hiện đang sinh sống và làm việc tại nước ngoài không có mặt tại địa phương nên không thể trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phúc A1 do vậy chị và anh H đề nghị Tòa án tạm giao cháu Phúc A1 cho ông bà nội cháu chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh H về Việt Nam. Về cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, chị không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh Đặng Văn H tại Nhật Bản vì anh H không cho chị biết địa chỉ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn T trình bày: Ông là bố đẻ của anh Đặng Văn H. Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn đúng như chị L trình bày. Anh Phát hiện đang lao động tại Nhật Bản vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình. Sau khi nhận thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản của Tòa án, ông đã thông báo qua điện thoại bằng ứng dụng Mesenger cho anh H biết về việc chị L xin ly hôn. Anh H không cung cấp cho gia đình biết địa chỉ cụ thể, cũng không về Việt Nam để giải quyết ly hôn, anh H cũng không trình bày ý kiến bằng văn bản gửi về cho Tòa án. Tuy nhiên qua điện thoại anh H có quan điểm như sau: Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị L xin ly hôn anh H nhất trí. Về con chung. Anh H xác định

nội dung chị L trình bày là đúng, ly hôn anh H, chị L thỏa thuận, đề nghị Toà án giao cháu Phúc A1 cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian anh H không có mặt tại Việt Nam, anh H sẽ nhờ bố mẹ hỗ trợ cho anh trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phúc A1 đến khi anh H về nước, ông T hoàn toàn nhất trí, về cấp dưỡng tiền nuôi con chung hai bên tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết. Về tài sản chung, về nợ, về công sức: Anh H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn D là bố đẻ của chị Nguyễn Thị Nhật L trình bày: Ông là bố đẻ của chị Nguyễn Thị Nhật L. Về điều kiện kết hôn như chị L trình bày là đúng. Quá trình chung sống, chị L và anh H có nhiều mâu thuẫn. Tháng 05/2021 chị L đã bỏ về nhà ông sinh sống và không quay lại chung sống với anh H nữa. Tháng 3/2022 chị L sang Đài Loan lao động. Năm 2023 anh H sang lao động tại Nhật Bản, vợ chồng sống sống ly thân từ tháng 5/2021. Nay chị L xin ly hôn anh H, ông đề nghị Toà án giải quyết theo nguyện vọng của chị L. Chị L và anh H có 01 con chung là cháu Đặng Phúc A1, sinh ngày 29/8/2020; cháu hiện đang ở cùng với ông bà nội, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị L, anh H. Quá trình chung sống anh H, chị L không có tài sản chung, công sức đóng góp gì với ông bà.

Kết quả làm việc với địa phương ông Bùi Văn M trình bày: Chị Nguyễn Thị Nhật L và anh Đặng Văn H, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương, nay là xã K, thành phố Hải Phòng. Trong thời gian chung sống anh chị mâu thuẫn cụ thể như thế nào ông không nắm được. Địa phương được biết chị L, anh H hiện đang ở nước ngoài nhưng địa phương không nắm được địa chỉ cụ thể. Nay, chị L xin ly hôn anh H, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Công văn số 3954 ngày 21/11/2025, Phòng quản lý xuất nhập cảnh, Công an thành phố H xác định: Chị Nguyễn Thị Nhật L, sinh ngày 04/3/2001, CCCD số: 030301002919, nơi thường trú : Thôn B, xã K, thành phố Hải Phòng. Đương sự xuất cảnh gần nhất ngày 23/6/2022 bằng hộ chiếu số C2654614 qua cửa khẩu sân bay Quốc tế N, chưa có thông tin nhập cảnh trở lại. Anh Đặng Văn H, sinh ngày 22/10/1994, CCCD số: 030094003490, nơi thường trú: Thôn B, xã K, thành phố Hải Phòng. Đương sự xuất cảnh gần nhất ngày 19/4/2023 bằng hộ chiếu số K0414404 qua cửa khẩu sân bay Quốc tế N, chưa có thông tin nhập cảnh trở lại.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng phát biểu ý kiến: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ và cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng; Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật về

xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định, bị đơn chấp hành không đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 22, khoản 1,3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Nhật L được ly hôn anh Đặng Văn H.

Về con chung: Xử giao cháu Đặng Phúc A1, sinh ngày 29/8/2020 cho anh Đặng Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành. Trong thời gian anh H ở nước ngoài, cháu Phúc A1 do bố mẹ đẻ anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Các đương sự, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Nhật L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị đã nộp theo biên lai ký hiệu: BLTU/25E, Số: 0005847 ngày 05 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự, thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nhật L có đơn khởi kiện có xác nhận của Văn phòng K tại Đ xin ly hôn anh Đặng Văn H là bị đơn; Nơi đăng ký thường trú và cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh: Thôn B, xã K, thành phố Hải Phòng; Nơi ở hiện nay: Nhật Bản. Quan hệ pháp luật là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị Nhật L nộp đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân khu vực 13 thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ chị L không cung cấp được địa chỉ của anh H tại Nhật Bản, Tòa án nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng đã yêu cầu gia đình anh Hoàng cung C địa chỉ của anh H. Gia đình anh H xác định anh H đang ở Nhật Bản vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình nhưng không cung cấp địa chỉ cụ thể nên gia đình không cung cấp địa chỉ của anh H cho Tòa án và xác định đã thông báo nội dung các văn bản của Tòa án cho anh H biết. Anh H không có văn bản gửi về cho Tòa án nhưng có thông qua gia đình trình bày quan điểm của anh về vụ án. Do vậy áp dụng nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tòa án nhân dân

khu vực 13 - Hải Phòng tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Chị L vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị xét xử vắng mặt. Anh H đã được Tòa án đã tống đạt hợp lệ và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a,b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Nhật L và anh Đặng Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương, nay là xã K, thành phố Hải Phòng ngày 22/3/2019. Cả hai bên đều đã đủ tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ khi đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời trình bày của chị L, lời trình bày của đại diện hai bên gia đình và tài liệu thu thập chứng cứ có cơ sở xác định, trong quá trình chung sống, chị L, anh H đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm về lối sống, cách nhìn nhận cuộc sống khác nhau, cách suy nghĩ hai bên không phù hợp, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Mâu thuẫn đỉnh điểm nhất từ tháng 5/2021 chị L đã bỏ về nhà đẻ ở. Tháng 3/2022 chị L sang Đài Loan làm việc lao động. Năm 2023 anh H sang Nhật Bản làm việc lao động. Trong thời gian vợ chồng ở nước ngoài hai bên không liên lạc với nhau. Vợ chồng chính thức sống ly thân từ tháng 5/2021 không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Quá trình giải quyết vụ án anh H đã được gia đình thông báo về việc chị L xin ly hôn nhưng anh không gửi văn bản ghi quan điểm của anh về các nội dung của vụ án và không cung cấp địa chỉ cụ thể cho Tòa án nhưng thông qua gia đình anh xác định tình cảm giữa anh và chị L không còn, chị L xin ly hôn anh đồng ý ly hôn. Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị L xử cho chị Nguyễn Thị Nhật L được ly hôn anh Đặng Văn H là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị L và anh H có 01 con chung là cháu Đặng Phúc A1, sinh ngày 29/8/2020, cháu hiện đang ở cùng với ông Đặng Văn T, bà Nguyễn Thị Y là bố mẹ đẻ anh H, chị và anh H thỏa thuận. Ly hôn chị đề nghị giao cháu Phúc A1 cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Trong thời gian anh H đang sinh sống và làm việc tại nước ngoài, không có mặt tại Việt Nam nên không thể trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phúc A1, chị L đề nghị Tòa án tạm giao cháu Phúc A1 cho ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Y là ông bà nội cháu chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi anh H về nước, nguyện vọng của chị L phù hợp với nguyện vọng của anh H và ông T cũng nhất trí việc chăm sóc nuôi dưỡng cháu Phúc A1 đến khi anh H về Việt Nam. Hội đồng xét xử căn cứ vào nguyện vọng của chị L, anh H, ông T và điều kiện kinh tế, nơi cư trú, việc

chăm sóc, giáo dục và môi trường sống ổn định để đảm bảo cho việc nuôi dưỡng cháu Phúc A1. Xét thấy việc giao cháu Phúc A1 cho anh H là phù hợp, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung. Do vậy, HĐXX giao cháu Đặng Phúc A1, sinh ngày 29/8/2020 cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung chị L, anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị L không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở theo quy định tại Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Anh H không có văn bản thể hiện quan điểm giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên sau này nếu anh H có yêu cầu giải quyết thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Nhật L khởi kiện vụ án Hôn nhân và gia đình nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm a,b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228, khoản 1 Điều 238, Điều 271; khoản 1 Điều 273, khoản 1,2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 quy định về hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nhật L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Nhật L được ly hôn anh Đặng Văn H.

2. Về con chung: Xử giao con chung Đặng Phúc A1, sinh ngày 29/8/2020 cho anh Đặng Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Trong thời gian anh H không có mặt tại Việt Nam thì tạm giao cho ông Đặng Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đặng Phúc A1 cho đến khi anh H về nước và không phải trả chi phí nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L, anh H không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị Nguyễn Thị Nhật L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Nhật L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị đã nộp theo biên lai ký hiệu: BLTU/25E, Số: 0005847 ngày 05 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự, thành phố Hải Phòng, chị L đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị L, bị đơn anh H đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 13 - Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng;
- Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng;
- UBND xã Khúc Thừa Dụ, TP Hải Phòng;
(để ghi vào sổ hộ tịch; ĐK số 17 ngày 22/3/2019)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đào Quang Khuyến